TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ M** TỈNH A G	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27- 4 - 2023
V/v trAh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH A G

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần QuAg ThAh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Ngọc Liêm.

2. Ông Nguyễn ThAh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh A G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh A G tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về trAh chấp ly hôn, nuôi con chung; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2023/QĐXX-ST ngày 17 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 195/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kiều T, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp Kiến Thuận 1, xã Kiến T, huyện Chợ M, tỉnh A G; (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp Mỹ Phú, xã Mỹ A, huyện Chợ M, tỉnh A G; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều T *trình bày*: Bà và ông Lê Văn H do quen biết và tự tìm hiểu nhau, tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2014, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy bA nhân dân xã Kiến T, huyện Chợ M, tỉnh A G vào ngày 04/7/2014. Về

quA hệ hôn nhân thời giA đầu sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quA điểm sống; nên không còn sống chung từ giữa năm 2022 đến nay; nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tồn tại được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông H.

- *Về quA hệ con chung*: 02 con chung tên Lê Phú Vĩnh, sinh ngày 07/6/2014 và Lê Phú A, sinh ngày 22/7/2021. Hiện 02 con đAg sống chung với bà T, khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và yêu không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quA hệ tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

- *Về quA hệ nợ chung*: Bà T trình bày không có nợ chung.

Bị đơn là ông Lê Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả trAh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị Kiều T khởi kiện vụ án trAh chấp về ly hôn với ông Lê Văn H. Ông H có nơi cư trú trên địa bàn huyện Chợ M, tỉnh A G. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ M thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền.

Ông Lê Văn H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Phạm Thị Kiều T và ông Lê Văn H xác lập quA hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 2014 ông, bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn của ông bà là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo bà T trình bày mâu thuẫn phát sinh từ việc vợ chồng không tôn trọng nhau, tính tình không hợp, trong thời giA chung sống thường xảy ra bất hòa, cả hai đã cố gắng tìm cách hàn gắn vẫn không thể nào chung sống với nhau và đã không còn chung sống với nhau từ giữa năm 2022.

Hội đồng xét xử thấy rằng: bà Phạm Thị Kiều T xin ly hôn, do cuộc sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung đến nay là một khoảng thời giA dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn

cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Kiều T.

- *Về quA hệ con chung*: 02 con chung tên Lê Phú Vĩnh, sinh ngày 07/6/2014 và Lê Phú A, sinh ngày 22/7/2021. Hiện 02 con đAg sống chung với bà T, khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và yêu không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ngày 21/3/2023 ghi nhận ý kiến đối với cháu Lê Phú Vĩnh, sinh ngày 07/6/2014 thì nguyện vọng cháu Vĩnh khi ba mẹ không còn sống chung với nhau nữa thì cháu Vĩnh mong muốn sống chung với mẹ là bà Phạm Thị Kiều T. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp cháu Vĩnh và A phát triển tốt về thể chất, tinh thần, căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử nghỉ nên giao con chung cho bà T được trực tiếp trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Ông Lê Văn H không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nôm và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông H thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quA hệ tài sản chung*: Bà Phạm Thị Kiều T khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

- *Về quA hệ nợ chung*: Ghi nhận bà Phạm Thị Kiều T trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà T và ông H trong thời kỳ hôn nhân thì bà T và ông H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kiều T.

2) *Về quA hệ hôn nhân*: Bà Phạm Thị Kiều T được ly hôn với ông Lê Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 143, quyển số 01 ngày 04/7/2014 do Ủy bA nhân dân xã Kiến T, huyện Chợ M, tỉnh A G cấp cho bà Phạm Thị Kiều T và ông Lê Văn H. Không còn giá trị pháp lý.

3) *Về quA hệ con chung*: Bà Phạm Thị Kiều T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Phú Vĩnh, sinh ngày 07/6/2014 và Lê Phú A, sinh ngày 22/7/2021. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Văn H không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nôm và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông H thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

4) *Về quA hệ tài sản chung*: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5) *Về quA hệ nợ chung*: Ghi nhận bà Phạm Thị Kiều T trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà T và ông H trong thời kỳ hôn nhân thì bà T và ông H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6) *Về án phí*: Bà Phạm Thị Kiều T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0013255 ngày 15/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh A G. Bà Phạm Thị Kiều T đã nộp đủ.

Ông Lê Văn H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

7) *Về quyền kháng cáo*: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh A G xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAD tỉnh A G;
- VKSND H. Chợ M;
- Chi cục THADS H. Chợ M;
- UBND xã Kiến T, huyện Chợ M, tỉnh A G;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần QuAg ThAh

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH A G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Chợ M, ngày 27 tháng 4 năm 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về vụ án: về trAh chấp "ly hôn" giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kiều T, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp Kiến Thuận 1, xã Kiến T, huyện Chợ M, tỉnh A G;

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp Mỹ Phú, xã Mỹ A, huyện Chợ M, tỉnh A G.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần QuAg ThAh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Ngọc Liêm.

2. Ông Nguyễn ThAh Liêm.

NỘI DUNG

Sau khi thảo luận, biểu quyết Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 tất cả các nội dung sau:

Áp dụng:

- Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kiều T.

2) *Về quA hệ hôn nhân*: Bà Phạm Thị Kiều T được ly hôn với ông Lê Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 143, quyển số 01 ngày 04/7/2014 do Ủy bA nhân dân xã Kiến T, huyện Chợ M, tỉnh A G cấp cho bà Phạm Thị Kiều T và ông Lê Văn H. Không còn giá trị pháp lý.

3) *Về quA hệ con chung*: Bà Phạm Thị Kiều T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Phú Vĩnh, sinh ngày 07/6/2014 và Lê Phú A, sinh ngày 22/7/2021. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Văn H không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nôm và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông H thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

4) *Về quA hệ tài sản chung*: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5) *Về quA hệ nợ chung*: Ghi nhận bà Phạm Thị Kiều T trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà T và ông H trong thời kỳ hôn nhân thì bà T và ông H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6) *Về án phí*: Bà Phạm Thị Kiều T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0013255 ngày 15/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh A G. Bà Phạm Thị Kiều T đã nộp đủ.

Ông Lê Văn H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

7) *Về quyền kháng cáo*: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh A G xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Trần QuAg ThAh

Nơi nhận:
- TAD tỉnh A G;
- VKSND H. Chợ M;
- Chi cục THADS H. Chợ M;
- UBND xã Kiến T, huyện Chợ M, tỉnh A G;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần QuAg ThAh